

Số: 07/CK-YMB

Yên Mô, ngày 04 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI

THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/06/2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO – NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT – BGDĐT, ngày 03/06/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1487/SGDĐT – QLCL ngày 17/9/2024. Về việc hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo thông tư số 09/2024/TT – BGDĐT;

Trường THPT Yên Mô B công khai trong trường học đầu năm học 2024 – 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THPT Yên Mô B

2. Địa chỉ : Xã Yên Mạc huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 02293.680888

Website: ymbninhbinh.edu.vn

Email: ymb.ninhbinh@gmail.com

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình : Công lập

Cơ quan quản Lý : Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình

Giáo dục phổ thông bậc: Trung học phổ thông .

4. Mục tiêu giáo dục :

Xây dựng và duy trì trường THPT Yên Mô B trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ tốt nghiệp THPT; Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “ dạy tốt, học tốt,,.

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; Có học vấn phổ thông ở trình độ cấp học phổ thông và những hiểu biết

ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học bậc Đại học hoặc học nghề.

5. Quá trình thành lập và phát triển:

Trường THPT Yên Mô B được thành lập từ năm 1971 với tên gọi là trường THPT B Yên tháng 3 năm 2004 đổi thành trường THPT Yên Mô B theo quyết định số 755/QĐ UB ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Ninh Bình đặt Xón 4, thôn Đôn Sơn, xã Yên Mạc, huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình với tổng diện tích 31.900 m²

Những năm đầu mới thành lập, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường còn nhiều thiếu thốn, vượt lên tất cả mọi khó khăn, Chi bộ Đảng kết hợp với tập thể lãnh đạo và giáo viên nhà trường đã kiên trì vững bước để tổ chức tốt dạy và học. Với sự nỗ lực của thầy và trò các năm học tiếp theo nhà trường đạt được nhiều thành tích năm sau cao hơn năm trước, thành tích này đặt nền móng cho sự phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo.

Trải qua 53 năm xây dựng và phát triển, cơ sở vật chất nhà trường tương đối khang trang, đáp ứng được yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục. Được sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Ninh Bình, chính quyền các cấp, cùng với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, trường THPT Yên Mô B trong những năm qua, đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của mình so với các trường trong toàn tỉnh. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm có giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh đạt thành tích cao. Đặc biệt, trong những năm gần đây chất lượng giáo dục toàn diện của trường ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tốt nghiệp THPT luôn đạt 100%. Trong các Hội thi học sinh giỏi văn hóa cấp Tỉnh đều có học sinh đạt giải cao trường toàn đứng trong top 10 của tỉnh. Với sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường, trường THPT Yên Mô B liên tục đạt danh hiệu “Trường tiên tiến” và “Trường tiến tiến xuất sắc” và được bộ giáo dục, UBND tỉnh tặng bằng khen

Tính riêng 5 năm trở lại đây, chất lượng dạy học và giáo dục của nhà trường được nâng lên đáng kể trở thành một trong các điểm sáng của Giáo dục Ninh Bình. Nhà trường liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc” Chi bộ Đảng luôn đạt tiêu chuẩn “Trong sạch vững mạnh” “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” các tổ chức đoàn thể Công đoàn đạt danh hiệu “*Công đoàn cơ sở vững mạnh*” đoàn thanh niên đạt danh hiệu “Đơn vị thi đua xuất sắc” tỷ lệ học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và tích cực tham gia các phong trào hoạt động do các cấp các ngành tổ chức ngày cao, đặc biệt 5 năm qua (Từ 2020 -2024) đã có hơn 100 đoàn viên ưu tú là học sinh được kết nạp vào Đảng công sản Việt Nam.

Năm học 2024 - 2025, trường có 78 cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động hợp đồng 100% CB giáo viên đạt chuẩn trong đó 11 cán bộ, giáo viên có trình độ (trên chuẩn). Số học sinh là 1278 em, được chia thành 30 lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng

nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong những năm qua thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, thực hiện chỉ thị 05: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện chủ đề năm học “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục đoàn kết, kỷ cương”, trường THPT Yên Mô B đã quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp quản lý và dạy học, đổi mới việc kiểm tra, đánh giá học sinh. Về cơ sở vật chất, trong những năm qua được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, ngành đặc biệt là của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, Sở kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, Hội cha mẹ học sinh, trong những năm qua nhà trường đã đầu tư sửa chữa nhiều hạng mục công trình, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho quá trình dạy và học, nhìn chung cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay tương đối khang trang đáp ứng cơ bản nhu cầu đổi mới giáo dục.

Tuy là địa bàn trung tâm thành phố những vẫn còn đối tượng học sinh hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh là con bệnh binh. Cơ sở vật chất, phòng học diện tích bé không phù hợp với đối tượng học sinh, nhà Đa năng xuống cấp nên ảnh hưởng một phần đến chất lượng giáo dục thể chất và hoạt động tập thể của nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người đại diện:

Người đại diện pháp luật : ông Nguyễn Thế Vinh – Chức vụ : Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc : Xóm 4, thôn Đông Sơn xã Yên Mạc huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình

Email: ymb.ninhbinh@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 755/QĐ UB ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Ninh Bình

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường.

Hội đồng trường THPT Yên Mô B được thành lập theo Luật giáo dục và Điều lệ trường trung học (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*). Hội đồng trường được kiện toàn nhiệm kỳ 2019-2024 gồm có 11 thành viên theo Quyết định 14/QĐ-SGDĐT ngày 07/01/2022, làm việc theo đúng quy định của Điều lệ trường THPT.

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ
1	Nguyễn Thế Vinh	1976	Cử nhận	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng
2	Trần Văn Liên	1977	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
3	Bùi Văn Lược	1986	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng

4	Phạm Văn Hiếu	1983	Cử nhân	Thư ký HĐGD
5	Nguyễn Đức Phương	1983	Cử nhân	Tổ trưởng chuyên môn
6	Phạm Duy Kương	1979	Cử nhân	Chủ tịch công đoàn
7	Vũ Thị Mười	1985	Thạc sỹ	Phó bí thư đoàn trường
8	Trần Thị Thu Hào	1986	Trung cấp	Tổ trưởng văn phòng
9	Phạm Hữu Thọ	1968	Cử nhân	Chủ tịch UBND xã Yên Mạc
10	Dương Tiến Dũng	1983	Trung cấp	Trưởng ban đại diện CMHS
11	Lương Mạnh Hải	2008	HS lớp 10A1	Đại diện học sinh

7.3. Quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng : Quyết định số 206/QĐ-SGDĐT ngày 06/07/2020. Về việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thế Vinh giữ chức Hiệu Trưởng trường THPT Yên Mô B.

Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng : Quyết định số 803 /QĐ – SGDĐT ngày 27/12/2021 về việc bổ nhiệm ông Trần Văn Liên giữ chức phó hiệu trưởng trường THPT Yên Mô B.

Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng : Quyết định số 514/QĐ-SGDĐT ngày 21/10/2019 về việc bổ nhiệm ông Bùi Văn Lực giữ chức phó hiệu trưởng trường THPT Yên Mô B

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

*** Cơ chế hoạt động của trường THPT Yên Mô B**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên, đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hóa giáo dục của nhà trường; chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường.**

Trường THPT Yên Mô B là loại hình trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và nhà nước trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí chi cho thường xuyên, chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm;

Trường THPT Yên Mô B là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định Luật Giáo dục, Điều lệ trường THPT và Quy chế tổ chức hoạt động các trường công lập, nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; tham gia tuyển dụng và điều động giáo viên, cán bộ, nhân viên.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của nhà nước.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

- Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy:**

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường)

+ Tổ chức Đảng CSVN có: 01 chi bộ gồm 53 đảng viên

+ Tổ chức Công đoàn có 75 công đoàn viên.

+ Đoàn thanh niên có 01 bí thư và 02 phó bí thư

- Thông tin, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường;

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thế Vinh	Hiệu trưởng	0932252205	ntvinh1976@gmail.com
2	Trần Văn Liên	P. hiệu trưởng	0934276858	tranvanlien1977@gmail.com
3	Bùi Văn Lực	P. hiệu trưởng	0919071626	lucbuiinhbinh@gmail.com

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Đông Sơn, xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Ban giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đã được trẻ hóa, đảm bảo về trình độ chuyên môn để cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên trường THPT Yên Mô B – Đầu năm học 2024 -2025:

Môn	Tổng số	Nữ	Trình độ chuyên môn					Ghi chú
			Th.S	ĐH	CD	TC	Khác	
Giám hiệu	3	0	3	0				
Toán	10	5	1	9				
Tin	3	2		3				
Lý	6	3	2	4				
Hóa	5	3		5				
Sinh	5	5	0	5				
Công nghệ	3	3		3				
Ngữ văn	9	7	2	7				
Sử	4	3		4				
Địa	4	3	1	3				
CD	3	3	1	2				
Tiếng Anh	9	9	1	8				
TD-QP	6	2		6				
Thư viện	1	1		1				
Y tế	1	1				1		
Văn thư	1	1				1		
Kế toán	1	1		1				
Thiết bị	1			1				
Tổng	75	52	11	62		2		

- Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Hiệu trưởng	1		1	1			1		
2	Phó Hiệu trưởng	2		2	2		2			
3	Kế toán	1	1	1	1			1		
4	Văn thư	1	1							1
5	Thiết bị	1	1	1				1		
6	Thư viện	1	1		1			1		
7	Y tế	1	1	1		1				1
8	Bảo vệ	2				2				
9	Phục vụ	1	1			1				

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Diện tích đất: 31.900 m². Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 25,377m²; Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ; các phương tiện làm việc ở các phòng học bộ môn, thư viện và các phòng chức năng được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học; quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Trường có tường rào, biển trường, cổng trường kiên cố. Khôn viên nhà trường rộng, đẹp, nhiều cây xanh thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh vui chơi, hoạt động ngoài trời.

Thông tin cơ sở vật chất của trường THPT Yên Mô B năm học 2024-2025:

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
I	Địa điểm, quy mô, diện tích						
1.1	Địa điểm	x	x				x
1.2	Quy mô lớp	x	x	lớp	30		x
1.3	Diện tích đất xây trường	x	x	m ²	31.900		x
II	Phòng học, phòng chức năng						
2.1	<i>Khối phòng học tập</i>	x	x	phòng			
	- Phòng học	x	x	phòng	30		x
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	x	x	phòng	0	x	
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	x	x	phòng	0	x	
	- Phòng học bộ môn KHCN	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn Tin học	x	x	phòng	2	x	
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	x	x	phòng	2		x
	- Phòng học bộ môn Vật lý	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn Hóa học	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn Sinh học	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn KHXH	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học đa chức năng	x	x	phòng	0	x	
2.2	<i>Khối phòng hỗ trợ học tập</i>						
	- Thư viện	x	x	phòng	1		x
	- Phòng thiết bị giáo dục	x	x	phòng	2		x
	- Phòng tư vấn học đường	x	x	phòng	1		x
	- Phòng Đoàn TNCS HCM	x	x	phòng	1		x
	- Phòng truyền thống	x	x	phòng	1		x

2.3	Khối phụ trợ						
	- Phòng họp		x	phòng	1		x
	- Phòng các tổ CM		x	phòng	6		x
	- Phòng Y tế trường học	x	x	phòng	1		x
	- Nhà kho		x	phòng	2		x
	- Khu để xe học sinh	x		phòng	2		x
	- Khu vệ sinh học sinh	x		phòng	12		x
	- Khu vệ sinh giáo viên		x	phòng	4		x
	- Phòng chờ GV		x	phòng	4		x
2.4	Khu sân chơi, thể dục thể thao						
	- Sân trường	x	x	sân	1		x
	- Sân TDTT	x	x	sân	2	x	
	- Nhà đa năng	x	x	nhà	1		x
2.5	Khối phục vụ sinh hoạt	x	x		0		x
2.6	Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sạch; cấp điện; chữa cháy	x	x		Đầy đủ		x

IV. ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GDĐT, hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá: Nhà trường đã được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và tiếp tục đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 vào tháng 5 năm 2024. (Theo Quyết định số 466/QĐ-UBND tỉnh, ngày 30/5/2024 của UBND Tỉnh Ninh Bình).

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Chất lượng hai mặt giá o dục :

a) Chỉ tiêu về kết quả rèn luyện

Khối	Số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng	403	389	96,5	10	2,48	4	0,99	0	0

b). Chỉ tiêu về kết quả học tập

- Xếp loại học lực lớp 12

Khối	Số HS	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng	403	177	43,9	203	50,4	22	5,46	1	0,25	0	0

- Xếp loại rèn luyện lớp 10, 11

Lớp	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng	853	758	88,9	71	8,32	16	1,88	7	0,82

- Xếp loại học tập lớp 10, 11

Khối	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Xuất sắc	Giỏi
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	SL
Tổng	853	242	28,4	417	48,9	186	21,8	7	0,82	9	230

- Xếp loại hạnh kiểm lớp 12

- Kết quả một số kì thi

+ Thi chọn HSG chọn đội tuyển thi QG (lần thứ nhất): đạt 1 giải ba và 01 giải khuyến khích.

+ Thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh: Tổng 43 giải, trong đó đạt 3 giải nhất, 14 giải nhì, 17 giải ba và 9 giải KK (toàn đoàn xếp thứ 4 của tỉnh). Được nhận Cờ KK của Sở GD&ĐT Ninh Bình

+ Thi KHKT đạt 01 giải Khuyến khích.

+ Cuộc thi “Đại sứ văn hóa đọc” năm 2023 cấp Tỉnh: đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba và 01 giải KK; Trường đạt giải tập thể “Đơn vị tham gia có nhiều thí sinh đạt giải cao”.

+ Hội thi TDDT dành cho học sinh phổ thông: đạt 01 HCV, 02 HCB và 09 HCD và toàn đoàn xếp thứ 9/27 trường tham dự, được BTC tặng Cờ thi đua KK.

+ Hội khỏe Phù đồng tỉnh Ninh Bình lần thứ VIII năm 2024, toàn đoàn xếp thứ 7 trong tỉnh và được tặng Cờ ba.

+ Thi nghề lớp 12: Đạt 100% loại giỏi

+ Thi sáng tạo trẻ cấp huyện đạt 01 nhì và 02 khuyến khích.

+ Thi HSG cấp trường khối 10 tổng 49 giải, trong đó đạt 06 giải nhất, 6 giải nhì, 14 giải ba và 20 giải KK.

+ Thi HSG cấp trường khối 11 tổng 47 giải, trong đó đạt 04 giải nhất, 9 giải nhì, 14 giải ba và 20 giải KK.

- Thi tốt nghiệp năm 2024 đỗ 100%, Điểm bình quân trường xếp thứ 6 trong tỉnh, có 29 em đạt điểm 10 đứng thứ 2 tỉnh (sau trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy), có 58 em từ 27 điểm trở lên, nhà trường luôn xếp top đầu trong tỉnh về chất lượng giáo dục.

2.3 Đội ngũ

- Tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên: 75, nữ 52

- Đảng viên 51, nữ 29

- 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó có 11 thạc sĩ

- 100% hoàn thành nhiệm vụ, 8 chiến sỹ thi đua cơ sở, 67 lao động tiên tiến, 05 người được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen.

2.4 Về xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Nhà trường đã xây dựng song trường chuẩn quốc, đã đưa vào sử dụng tháng 11 năm 2022 và đã được công nhận chuẩn mức độ 2.

2.5 Thực hiện các cuộc vận động

- Tổ chức tốt các hoạt động tập thể

- Phối kết hợp với cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh; giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó; chăm sóc di tích văn hóa.

2.6 Công tác quản lý

- Nền nếp, trật tự, kỷ cương dạy và học được duy trì tốt; đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh.

- Thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường ở tất cả các hoạt động, tập thể sư phạm đoàn kết, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, không có người vi phạm đạo đức nhà giáo.

2.7 Danh hiệu thi đua

- Nhà trường: Tập thể Lao động Tiên tiến
- Công đoàn: Công đoàn cơ sở vững mạnh
- Đoàn trường: Tiên tiến

Chỉ tiêu tuyển sinh: Khối 10: 430 học sinh (30 lớp)

Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn xin học (theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định);
- 02 ảnh 3x4 (01 ảnh dán vào đơn, 01 ảnh dán vào học bạ);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ cấp THCS.

Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Thi tuyển
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình THCS.

Kế hoạch tuyển sinh của trường THPT Yên Mô B, đăng tải trên website của trường.

Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh :

STT	Thời gian	Nội dung	Bộ phận thực hiện
1	Tháng 8/2024	- Tổ chức tuần lễ sinh hoạt tập thể đầu năm học (The voice ĐTH; văn nghệ liên chi; nhảy tập thể liên chi; bóng rổ liên chi; bóng chuyền liên chi) - Phổ biến nội quy trường lớp; quy tắc ứng xử trong nhà trường; ký cam kết thực hiện nội quy trường lớp. - Tổng vệ sinh, trang trí lớp học	Đoàn trường; Ban nền nếp; Ban văn nghệ; Giáo viên chủ nhiệm
2	Tháng 9/2024	- Hoạt động văn nghệ khai giảng chào mừng năm học mới. - Tuyên truyền kiến thức và kỹ năng tham gia giao thông an toàn.	- Đoàn trường; Ban nền nếp; Ban văn nghệ; Giáo viên chủ nhiệm - Công an tỉnh NB
3	Tháng 10/2024	- Thi đấu TDTT cán bộ, giáo viên, nhân viên cấp cụm. - Thi đấu TDTT, học sinh cấp cụm - Hưởng ứng ngày sách Việt Nam và VH đọc	- Nhóm GDTC - Thư viện; GVCN
4	Tháng 11/2024	- Hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo VN - Tổ chức diễn đàn đối thoại giữa thầy và trò - Thi đấu TDTT cấp tỉnh - Thi đấu TDTT cán bộ, giáo viên, nhân viên cấp tỉnh.	- Đoàn trường; Ban nền nếp; Ban văn nghệ; GVCN. - Nhóm GDTC

STT	Thời gian	Nội dung	Bộ phận thực hiện
5	Tháng 12/2024	- Tham gia Hội thi Giai điệu tuổi hồng cấp tỉnh - Tham gia giao lưu các Câu lạc bộ tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn giao thông năm 202 - Tuyên truyền phòng, tránh ma túy và thuốc lá, thuốc lá điện tử. - Tập huấn kỹ năng quản lý cảm xúc trong lứa tuổi vị thành niên	- Ban văn nghệ; GVCN - Đoàn trường; Ban nền nếp; GVCN. - Công an thành phố NB - Diễn giả
6	Tháng 01/2025	- Tổ chức chương trình nhân đạo, từ thiện “Xuân đầm ấm, Tết yêu thương”	- Công đoàn; Đoàn trường; GVCN
7	Tháng 02/2025	- Hưởng ứng Tết trồng cây - Tham gia Ngày thơ Việt Nam	- Công đoàn; Đoàn trường; GVCN - Nhóm Ngữ văn
8	Tháng 03/2025	- Tổ chức các hoạt động tháng thanh niên chào mừng ngày 26/3 - Tập huấn kỹ năng thoát hiểm, cứu nạn, cứu hộ cho học sinh	- Đoàn trường; GVCN - Đoàn trường; GVCN; Diễn giả
9	Tháng 04/2025	- Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh - Tham gia Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời	- Đoàn trường; GVCN; Diễn giả - Thư viện, GVCN
10	Tháng 05/2025	- Tham gia Giải Bơi học sinh phổ thông năm 2025 - Tổ chức Lễ tổng kết và Lễ trưởng thành cho học sinh lớp 12	- Nhóm GDTC - Đoàn trường; Ban văn nghệ; GVCN
11	Tháng 06/2025	Hoạt động tiếp sức mùa thi	- Đoàn trường

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối	Số HS	Số học sinh nữ		So với năm trước	
		Tổng số	%	Số HS	Nữ
10	431	243	56,38%	Giảm 04	Giảm 29
11	432	249	57,64%	Tăng 13	Tăng 04
12	406	218	53,69%	Tăng 12	Tăng 07
Trường	1269	710	55,95%	Tăng 21	Giảm 18

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm và rèn luyện năm học 2023 – 2024

- Xếp loại rèn luyện lớp 10, 11

Lớp	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	426	374	87,8	39	9,15	6	1,41	6	1,41
11	427	384	89,9	32	7,49	10	2,34	1	0,23
Tổng	853	758	88,9	71	8,32	16	1,88	7	0,82

- Xếp loại hạnh kiểm lớp 12

Khối	Số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
12	403	389	96,5	10	2,48	4	0,99	0	0
Tổng	403	389	96,5	10	2,48	4	0,99	0	0

- Xếp loại học tập lớp 10, 11

Khối	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		HS Xuất sắc	HS giỏi
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	SL
10	426	99	23,2	212	49,8	109	25,6	5	1,17	7	91
11	427	143	33,5	205	48	77	18	2	0,47	2	139
Tổng	853	242	28,4	417	48,9	186	21,8	7	0,82	9	230

- Xếp loại học lực lớp 12

Khối	Số HS	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
12	403	177	43,9	203	50,4	22	5,46	1	0,25	0	0
Tổng	403	177	43,9	203	50,4	22	5,46	1	0,25	0	0

-Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

-Học sinh tốt nghiệp đạt tỉ lệ 100%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1.Công khai chi tiết tài chính năm 2023.

a.Nguồn ngân sách

Đơn vị : 1000đ

Nội dung/Nguồn chi	Chi thường xuyên	Chi không thường xuyên
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	0	0
DỰ TOÁN GIAO (2)	12.181.000.000	2.427.589.5900
Tiền lương	5.711.436.200	
Phụ cấp lương	2.749.284.800	
Phụ cấp ưu đãi GV giảng dạy lớp có HS khuyết tật		90.960.000
Phụ cấp công tác Đảng	29.610.000	

Nội dung/Nguồn chi	Chi thường xuyên	Chi không thường xuyên
Phúc lợi tập thể	7.500.000	
Các khoản đóng góp	1.574.327.500	
Thanh toán dịch vụ công cộng	33.484.500	
Vật tư văn phòng, văn phòng phẩm	185.634.000	
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	32.660.000	
Hội nghị CBCC	9.060.000	
Công tác phí	265.712.000	
Chi phí thuê mướn	161.226.000	
Duy trì phần mềm QLTS, viên chức	307.335.000	5.000.000
Chi phí nghiệp vụ CM	782.564.100	
Chi khác	133.446.000	
Chi các ngày lễ lớn trong năm	21.720.000	
Tiết kiệm chi trích lập quỹ phúc lợi	176.000.000	
Trích lập quỹ PTHĐSN		
Mua sắm		1.122.375.000
Kinh phí tổ chức kỳ thi TNTHTP		274.234.000
Hỗ trợ CP học tập		31.050.000
Cấp bù miễn giảm HP và học phí tăng thêm kỳ II năm học 22-23		771.717.500
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	0
CHUYỂN SANG NĂM 2024	0	0

b.Nguồn học phí

Đơn vị: 1000đ

Nội dung/ nguồn chi	Tổng số
	Tổng số
SỐ THU NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	428.701.100
SỐ THU TRONG NĂM (2)	1.806.471.000

Nội dung	Số học sinh	Số tiền
Miễn giảm học phí. Theo NB số 81/2021/NĐCP ngày 27/8/2021 học kỳ I	47	12.070.000
Miễn giảm học phí. Theo NB số 81/2021/NĐCP ngày 27/8/2021 học kỳ I	48	9.137.500

Đơn vị: 1000đ

D. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về hỗ trợ và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Đơn vị tính	Số dư năm trước chuyên sang	Số thu trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
Học thêm	307.522.738	5.528.015.827	5.360.719.176	474.819.389
DV tuyển sinh lớp 10		239.961.000	239.961.000	
Giấy thi	31.499.000		31.499.000	
Nước uống	60.380.000	0	60.380.000	
Vệ sinh trường, lớp	33.109.432	168.090.000	197.965.000	3.234.432
Trông giữ xe		100.767.000	100.767.000	
Lai tiền gửi	5.800.696	5.029.103	3.186.805	7.642.994

ĐVT: Đồng

c. Nguồn dịch vụ

Nội dung/ nguồn chi	Tổng số
SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM (3)	2.235.172.100
SỐ CHI TRONG NĂM	1.954.878.951
SỐ DƯ CUỐI NĂM	176.502.149

Nội dung	Số học sinh	Số tiền
Hỗ trợ CP học tập Theo ND số 81/2021/NĐCP ngày 27/8/2021 kỳ I	21	13.800.000
Hỗ trợ CP học tập Theo ND số 81/2021/NĐCP ngày 27/8/2021 kỳ II	10	9.000.000
Cấp bù học phí tăng thêm kỳ II năm học 2022-2023	100% học sinh được cấp bù	724.500.000

2. Công khai số dư tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng đến ngày 31/12/2023

Đơn vị tính : 1000đ

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Số dư quỹ tiền mặt	VN Đồng	0
2	Số dư tiền gửi kho bạc	VN Đồng	747.348.547
3	Số dư tiền gửi NH Agribank	VN Đồng	56.118.654
4	Số dư tiền gửi NH Vietinbank	VN Đồng	422.916.577

3. Công khai các khoản thu năm học 2023 – 2024 và dự toán năm học 2023-2024

3.1 Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh

Đơn vị tính : 1000đ

STT	KHOẢN THU	Khu vực thành phố	Khu vực Nông thôn	Khu vực DTTS và MN	Số tháng thu
I	Năm học 2023-2024				
1.1	Học phí, năm học 2024-2024: Thực hiện theo Nghị quyết số 104/2023/NQ – HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh bình	130.000 /hs/ tháng	85.000 /hs/tháng	51.000 /hs/tháng	9
1.2	Quỹ Đoàn Công văn số 01/HD/TĐTN – Tỉnh Đoàn và SGD ĐT ngày 26/9/2017 về việc hướng dẫn Xây dựng và Quản lý quỹ đoàn trong trường học	2 000/hs/ tháng			9

STT	KHOẢN THU				
	Khu vực thành phố	Khu vực Nông thôn	Khu vực DTTS và MN	Số tháng thu	
1.3	Công văn số 1043/LN – GDĐT – BHXH ngày 16/8/2023 của Liên ngành Giáo dục và Đào tạo – bảo hiểm xã hội về việc triển khai BHYT học sinh, học viên năm học 2023-2024	Khởi 10 + 11: Mức thu 40.500/Hs/tháng	Khởi 12: Mức thu 40.500/Hs/tháng	12 tháng	9 tháng
2	Thực hiện theo Nghị quyết số 39/2021/NQ – HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các khoản thu dịch vụ phức vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Nghị quyết số 101/2023/NQ – HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các khoản thu dịch vụ phức vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; (nếu đăng ký)	Trong năm 7.000đ/tiết/Hs	Ôn TN: 7.500đ/hs/tiết	Thu 9 tháng riêng khởi 12 thu thêm tháng ôn tập	Thu theo
	Tiền điện sử dụng điều hòa trên lớp học	Thu theo số điện sử dụng thực tế trên công tơ của lớp học	Thu theo thực tế	Thực tế	Thực tế

II Năm học 2024 -2025

1.1	Học phí, năm học 2024-2025: Thực hiện theo Nghị quyết số 104/2023/NQ – HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết số 04/2024/NQ – HĐND ngày 07/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi khoản 2 và bãi bỏ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2023/NQ – HĐND ngày 12/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;	130.000 /hs/ tháng	85.000 /hs/tháng	51.000 /hs/tháng	9 tháng	
1.2	Quý Đoàn Công văn số 01/HD/TPTN – Tỉnh Đoàn và SGDĐT ngày 26/9/2017 về việc hướng dẫn Xây dựng và Quản lý quỹ đoàn trong trường học	2 000/hs/ tháng				9 tháng
1.3	Công văn số 1212/LN – GDĐT – BHXH ngày 23/8/2024 của Liên ngành Giáo dục và Đào tạo – bảo hiểm xã hội về việc triển khai BHYT học sinh, học viên năm học 2024-2025	Khởi 10 + 11: Mức thu 52.650/Hs/tháng	Khởi 12: Mức thu 52.650/Hs/tháng	12 tháng	9 tháng	

Các khoản thu dịch vụ			
2	Thực hiện theo Nghị quyết số 39/2021/NQ – HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Nghị quyết số 101/2023/NQ – HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;		
2.1	Tiền học thêm	7.500 - 8.000đ/Hs/tiết	9 tháng riêng khối 12 học thêm tháng 6 ôn thi TN
2.2	Trông coi phương tiện của học sinh (nếu đăng ký)	Xe đạp, xe đạp điện 7.500đ/Hs/ tháng Xe máy, xe máy điện : 15.000đ/Hs/tháng	9 tháng
2.3	Vệ sinh trường lớp	15.000đ/Hs/ tháng	9 tháng
2.4	Mua phôi bằng TN lớp 12	5.000đ/Hs	

Trường THPT Yên Mô B công khai trong trường học, đầu năm học 2024 – 2025.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Ninh Bình (báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT/KT.



Nguyễn Thế Vinh